

MỐI QUAN HỆ GIỮA PHONG TRÀO YÊU NƯỚC, GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VIỆT NAM VỚI NHẬT BẢN

TRẦN THỊ THANH NHÀN*

Tóm tắt: Bài viết đề cập đến mối quan hệ và sự hỗ trợ của các chính khách Nhật Bản đối với phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX.

Duy Tân hội và Việt Nam Quang Phục hội đã tận dụng được thời cơ, mở rộng mối quan hệ và tranh thủ được sự giúp đỡ của các tổ chức (Đồng Văn Thư Viện, Đông Á Đồng Văn hội...) và các chính khách nước ngoài (Lương Khải Siêu, Okuma Shigenobu, Inukai Tsuyoshi...) để tiến hành nhiều hoạt động quan trọng như mở rộng tuyên truyền tư tưởng dân chủ vào Việt Nam, kêu gọi lòng yêu nước, căm thù giặc. Phan Bội Châu và Duy tân hội cũng đã tận dụng các cơ sở huấn luyện, đào tạo của Nhật để huấn luyện, đào tạo cán bộ cách mạng, củng cố về mặt tổ chức, đưa phong trào yêu nước Việt Nam hòa nhập cùng cao trào Châu Á thức tỉnh. Phan Bội Châu và những hoạt động của Duy Tân hội, Việt Nam Quang Phục hội đã có đóng góp nhất định trong công cuộc đấu tranh giành độc lập và để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho các thế hệ sau này.

Từ khóa: Phan Bội Châu, Duy Tân Hội, giải phóng dân tộc, yêu nước.

1. Mở đầu

1.1. Đến giữa thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản cùng những tư tưởng dân chủ tiến bộ đã được xác lập vững chắc ở Tây Âu và Bắc Mỹ. Trong khi đó ở Châu Á, cho đến giữa thế kỷ XIX vẫn chưa có một cuộc cách mạng tư sản nào nổ ra. Nhiều nước, trong đó có Việt Nam, vẫn còn chìm trong chế độ quân chủ phong kiến và chỉ bắt đầu bừng tỉnh khi chủ nghĩa thực dân - hệ quả của chủ nghĩa tư bản thời cận đại đến “gõ cửa”. Tình hình này đặt các nước Châu Á trước hai nhiệm vụ lớn cần giải quyết ngoài những nhiệm vụ riêng của mỗi quốc gia là: bảo vệ độc

lập chủ quyền, an ninh và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia dân tộc; cải cách, duy tân, tự cường phát triển đất nước về mọi mặt (kinh tế, chính trị, văn hóa, tư tưởng, giáo dục, quân sự...), tăng cường sức mạnh nội lực và từng bước nâng cao uy tín, vị trí, vai trò quốc gia dân tộc trên trường quốc tế. Tuy nhiên, hầu hết các nước Châu Á không giải quyết tốt được bài toán này; trừ Xiêm và Nhật Bản, các nước còn lại đều bị rơi vào tay tư bản nước ngoài.

(*) Tiến sĩ, Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh.

Ở Châu Á, Nhật Bản nổi lên và có ảnh hưởng rất lớn ở phương Đông nhờ vào cuộc cách mạng tư sản Nhật và công cuộc Minh Trị duy tân thành công. Nhật Bản không chỉ thoát được họa mất nước, bảo vệ được chủ quyền dân tộc, mà còn dần dần thủ tiêu được các điều ước bất bình đẳng trước đó. Nhật Bản đã đánh bại Trung Quốc trong chiến tranh Trung - Nhật (1894 - 1895), đánh bại Nga trong chiến tranh Nga - Nhật (1904 - 1905), và vì vậy khi nói đến phương Đông, người ta ca ngợi “tám gương Nhật Bản”, “mô hình Nhật Bản” và mong muốn hướng tới “con đường Nhật Bản”. Trong khi đó ở Trung Quốc, triều đình Mãn Thanh cũng đã bắt đầu thức tỉnh sau cuộc chiến tranh thuốc phiện 1890. Bộ phận tiến bộ trong giai cấp phong kiến Trung Quốc đã nhận thức được sự yếu kém của đất nước so với các nước phương Tây và chủ trương phát triển theo con đường mới - con đường Duy Tân.

1.2. Ở Việt Nam, cho đến giữa thế kỷ XIX, nhà Nguyễn về cơ bản vẫn thi hành chính sách “bế quan tỏa cảng”, kinh tế hết sức nghèo nàn, lạc hậu. Do vậy khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược, nước ta đã rơi vào tay họ. Sự thất bại này chứng tỏ rằng, phong trào yêu nước Việt Nam đã lâm vào tình trạng bế tắc, khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo. Trong quá trình xâm lược Việt Nam (1858 - 1884), thực dân Pháp đã đồng thời tiến hành nhiều biện pháp kinh tế, văn hóa, xã hội nhằm mục đích

cuối cùng là biến nước ta thành thuộc địa để ra sức vơ vét, bóc lột. Chính sách này được đẩy mạnh vào cuối thế kỷ XIX, sau khi Pháp đã dập tắt phong trào kháng chiến của nhân dân ta. Tháng 12/1896, Paul Doumer - nguyên là nghị viên giữ chức Bộ trưởng tài chính, Tổng thanh tra tài chính Bắc và Trung Kỳ - được cử làm Toàn quyền Đông Dương với sứ mệnh mở ra một thời kỳ mới, biến Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng thành thuộc địa khai khẩn cho thực dân Pháp. Do vậy, từ những năm đầu thế kỷ XX, xã hội Việt Nam ngày càng có những biến chuyển sâu sắc.

Về kinh tế, sự đầu tư của tư bản Pháp đã làm thay đổi diện mạo nền kinh tế Việt Nam với nhiều nhân tố mới, tích cực nhưng nhìn chung nền kinh tế Việt Nam lúc này về cơ bản vẫn là kinh tế nông nghiệp, nghèo nàn, lạc hậu.

Xã hội Việt Nam đã có sự thay đổi sâu sắc. Nhân dân lao động bị bần cùng hóa, lực lượng công nhân tăng lên đáng kể; năm 1906, công nhân chuyên nghiệp ở Việt Nam đã lên tới 55.000 người. Các đô thị lớn phát triển nhanh đã kéo theo sự xuất hiện của tầng lớp tư sản đầu tiên và quyền lợi của những nhà tư sản này gắn liền với thực dân Pháp. Tầng lớp tư sản Việt Nam phát triển chậm và chưa thực sự trở thành một giai cấp nhưng dù sao cũng là một nhân tố thuận lợi cho việc tiếp nhận các trào lưu tư tưởng từ bên ngoài. Tầng lớp tiểu tư sản ra đời gần như cùng lúc với tầng lớp tư sản; họ có

tinh thần yêu nước và ý thức dân tộc, sớm gắn bó với tầng lớp công - nông trong quá trình đấu tranh chống Pháp. Nông dân và thợ thủ công bị đẩy vào con đường bán cùng hóa dẫn đến phá sản hàng loạt. Có thể nói, sự phân hóa giai cấp xã hội cũng là một bước chuyển tích cực, tạo điều kiện cho các nhân tố mới xuất hiện, đặc biệt là các luồng tư tưởng mới dễ dàng xâm nhập vào Việt Nam.

Sau khi phong trào Cần Vương thất bại (ngoại trừ một số người an phận), những người có tâm huyết cứu nước nhận ra không thể đối đầu với một kẻ thù có trình độ khoa học kỹ thuật phát triển hơn nhiều lần khi chỉ bằng vũ khí thô sơ và lòng yêu nước. Họ nhận thức được rằng, muốn thắng Pháp thì phải kết hợp cứu nước với canh tân, làm cho dân giàu nước mạnh, phải học tập nền văn minh phương Tây thông qua tấm gương Trung Quốc và Nhật Bản. Từ đó, những nhà Nho mang tư tưởng “tân học” trở thành lực lượng lãnh đạo các phong trào yêu nước theo xu hướng canh tân trong những năm đầu thế kỷ XX. Nhật Bản được xem là cứu tinh của các dân tộc da vàng. Xu hướng thân Nhật dấy lên ở nhiều nước, trong đó có Việt Nam.

2. Duy Tân hội trong mối quan hệ với Nhật Bản

Thượng tuần tháng 4 âm lịch năm 1904, tại nhà Tiểu La Nguyễn Hàm ở Quảng Nam, *Duy Tân hội* được thành lập. Hội viên là Nguyễn Hàm, Phan Bội Châu, Trịnh Hiền, Đặng Tử Kính, Đặng Thái Thân. Kỳ ngoại hầu Cường Để

được bầu làm hội chủ, nhưng để đề phòng sự việc bại lộ nên chỉ gọi là “ông chủ”. Mục đích của Duy Tân hội là “Cốt sao khôi phục được Việt Nam, lập ra một chính phủ độc lập, ngoài ra chưa có chủ nghĩa gì khác cả”. Việc Duy Tân hội cử Cường Để làm hội chủ cho thấy hội vẫn muốn đi theo con đường quân chủ. Trong quá trình hoạt động, tuy Cường Để làm hội chủ nhưng mọi việc đều do Phan Bội Châu, Nguyễn Hàm, Đặng Thái Thân và các hội viên quyết định.

Trong hội nghị thành lập Duy Tân hội, 3 nhiệm vụ trước mắt được đề ra là: phát triển thế lực hội về người cũng như về tài chính; xúc tiến việc chuẩn bị bạo động và các công việc sau khi phát ra bạo động; chuẩn bị xuất dương cầu viện, xác định phương châm và thủ đoạn xuất dương. Nhiệm vụ thứ ba là hết sức trọng yếu và phải hết sức bí mật nên được Hội đặc biệt giao cho Nguyễn Hàm và Phan Bội Châu định liệu. Họ đã quyết định cầu viện ở Nhật Bản.

Ngày 20 tháng 1 năm 1905, Phan Bội Châu và Tăng Bạt Hổ sang Nhật. Trên đường sang Nhật, khi đến Quảng Đông (Trung Quốc), Phan Bội Châu tranh thủ vận động một số nhân sĩ và quan lại Trung Quốc để giúp cách mạng Việt Nam như Phùng Tự Do (chủ nhiệm Trung Quốc nhật báo, cơ quan của đảng cách mạng), phái Tôn Văn và Sầm Xuân Huyền, Tổng đốc Quảng Đông. Nhưng việc vận động không thành, vì thế Phan Bội Châu càng quyết chí sang Nhật cầu viện. Ngoài mong muốn được Nhật viện

trợ về vũ khí, Phan Bội Châu còn mong Nhật Bản đưa quân sang Việt Nam đánh Pháp. Nhưng hy vọng ấy đã bị Lương Khải Siêu tỏ ý phản đối. Lương Khải Siêu khuyên Phan Bội Châu nên tranh thủ Nhật Bản sự hợp tác về mặt ngoại giao, còn viện trợ về mặt quân sự nên trông chờ ở khu vực Lương Quảng. Ngoài ra, Lương Khải Siêu cũng cho rằng, trước khi tìm được sự viện trợ từ nước ngoài thì điều tiên quyết là phải bồi dưỡng “thực lực trong nước”. Do vậy, Lương Khải Siêu đề nghị Phan Bội Châu cầu viện sự giúp đỡ của những đảng phái ngầm ở Nhật như đảng Tấn Bộ do bá tước Đại Ôi Trọng Tín (Okuma Shigenobu) và Khuyến Dưỡng Nghị (Inukai Tsuyoshi) lãnh đạo để bồi dưỡng thực lực cho phong trào cách mạng. Quan điểm của các chính khách Nhật Bản có nhiều điểm gần giống với những điều tiên liệu của Lương Khải Siêu.

Trong “Niên biểu” có ghi: “Bá tước Okuma là “công thần duy tân”, trước đây từng hai lần làm thủ tướng. Hiện tại là người đứng đầu Đảng Tiến bộ, Tử tước Inukai-nguyên bộ trưởng Bộ giáo dục - khoa học - văn hóa, hiện là tổng thư ký Đảng Tiến bộ”. Hai ông là người có thể lực nhất trong dân đảng Nhật Bản”. Chính đảng ở đây ghi là “Đảng Tiến bộ” hay “Tấn bộ” (có tên gọi chính thức lúc bấy giờ là Kensei Honto-Đảng Hiến chính gốc, thành lập 1898). Các chính đảng mà Okuma lần lượt tham gia là Rikken Kaishinto - Đảng Lập hiến cải tiến tháng 3 năm 1882; Shimpoto - Đảng

Tiến bộ thành lập tháng 3 năm 1896, Kenseito - Đảng Hiến chính thành lập tháng 6 năm 1898. Đảng Hiến chính là tổ chức hợp nhất giữa Đảng Tiến bộ của Okuma và Đảng Tự do của Itagaki Taisuke (nhưng đã giải thể cùng với nội các của Okuma tháng 10 năm 1898). Sau đó những người thuộc Đảng Tiến bộ cũ lập ra Đảng Hiến chính gốc. Chủ tịch đảng năm 1905 là Okuma.

Phan Bội Châu đã có các cuộc tiếp xúc với Okuma Shigenobu và một số chính khách Nhật như Kashiwabara Buntaro của Hội Đông Á đồng văn, Inukai Tsuyoshi, Tham mưu trưởng lục quân Phúc Đảo An Chánh (Fukushima Yasumasa) và Hội trưởng Hội Đông Á đồng văn Căn Tân Nhất (Nezu Hajime). Trong các cuộc hội kiến ấy, các chính khách Nhật Bản đã khuyên và bàn với Phan Bội Châu 3 nội dung:

Thứ nhất, không nên đặt vấn đề xin viện trợ về vũ khí tại thời điểm này. Okuma Shigenobu cho rằng: “Lấy dân đảng Nhật Bản giúp cho các ngài thì được, nếu lấy binh lực giúp cho các ngài thì nay là thì giờ chưa tới nơi. Tình hình thế giới sau chiến tranh ở đời bây giờ chẳng phải vấn đề riêng của Pháp với Nhật, mà là vấn đề Âu - Á đua hơn thua nhau. Nhật Bản muốn giúp cho quý quốc thì tất phải tuyên chiến với Pháp. Nhật - Pháp tuyên chiến thì cơ động cả toàn cầu, lấy sức Nhật Bản ngày nay mà tranh với toàn châu Âu, thiệt chưa đủ sức, các ngài có thể ân nhẫn mà chờ cơ hội ngày sau không?”.

Thứ hai, về phương châm hoạt động, nên tập trung bồi dưỡng “thực lực trong nước” đây là mục tiêu tính tiên quyết. Okuma nói: “Ngày nay các ngài tới đây chúng tôi mới biết người Việt Nam. Các nước Ấn Độ, Ai Cập, Phi Luật Tân cũng đều là mất nước, nhưng không ai tù bịt như thế! Các ngài bây giờ nếu cổ động được nhân sĩ trong nước, phần nhiều bỏ ra ngoài khiến cho con mắt, lỗ tai mới mẻ một lần, vô luận đến nước nào, làm công việc gì, đều có thể thay được không khí hô hấp, tinh thần không mắc lấy cái khổ chết ngẹt, đó là một việc khẩn cấp nhất ở trong con đường cứu vong vậy”.

Thứ ba, nên đưa Cường Để sang Nhật để khỏi rơi vào tay Pháp. Inukai nói: “Nên đưa người này ra khỏi nước, nếu không e sập vào tay người Pháp”.

Có thể thấy rằng, quan điểm của các chính khách Nhật Bản có nhiều chỗ giống với những điều mà Lương Khải Siêu đã tiên liệu. Đến lúc này Phan Bội Châu đã ngộ ra được nhiều điều. Ông nhận thấy tư tưởng hành động của mình trước đây là “hoang đường”, “không đáng áp dụng”. Việc xây dựng một tổ chức đảng ở thuộc địa của Pháp hoặc yêu cầu Nhật Bản viện trợ là không hiện thực. Ông quyết định chuyển hướng: đưa thanh niên Việt Nam sang Nhật học tập, bồi dưỡng “nhân tài”, mở mang “dân trí”, xây dựng “cơ sở tổ chức vững chắc”, thay vì tìm kiếm sự hỗ trợ về quân sự, “viết nhiều loại văn bản, một

mặt để khuyến khích thanh niên du học, mặt khác để mong phát huy tư tưởng yêu nước của toàn thể quốc dân”.

Phan Bội Châu và nhóm Duy Tân hội quyết định lấy Nhật Bản làm địa bàn hoạt động vì nghĩ rằng ở Nhật Bản sẽ có những lực lượng xem những người Việt Nam lưu vong là bạn và có thể trông đợi ở họ sự viện trợ. Okuma Shigenobu đã nói: “Các ngài nếu đem được đảng nhân các ngài ra đây, nước Nhật Bản thu dung được hết, hay là các ngài bây giờ ưng ở Nhật Bản, chúng tôi sẽ giúp ngài sắp đặt chỗ ở, lấy một cách ngoại tân ưu đãi các ngài, sinh kế cũng không phải lo gì, bởi vì chuộng nghĩa hiệp, trọng ái quốc, là đặc tính đặc biệt của người Nhật Bản”. Nhưng bản thân Okuma thực tế đã có sự giúp đỡ ở mức độ nào thì trong hồi ký của Phan Bội Châu không có ghi chép gì.

Không phải hoàn toàn không có tư liệu nào nhắc đến sự viện trợ của Okuma Shigenobu cho Duy Tân hội. Trong báo cáo của tỉnh trưởng Hà Đông ngày 23 tháng 9 năm 1908 gửi Thống sứ Bắc kỳ (trong cặp NS-IC 2 của Viện tư liệu Bộ Ngoại giao Pháp) có giới thiệu nội dung khẩu cung của một thanh niên (người tham gia Đông Du) bị bắt ở tỉnh này. Trong đó ở phần ghi về tình hình tài chính của lưu học sinh Việt Nam ở Nhật như sau: Ở Tokyo có tổ chức Đông Á Đồng Tân do Đại Ôi Trọng Tín, nguyên quan chức cao cấp của chính phủ, làm hội trưởng, thực hiện việc trợ

giúp lưu học sinh Châu Á. Trong hội này có các hội viên người Triều Tiên, Trung Quốc, Thái Lan, Ấn Độ... Căn cứ tình hình lúc đó thì có lẽ hội này cũng cung cấp học bổng cho người Việt Nam (chắc là một vài người). Trong ghi chép này nếu chuyển tên hội trưởng sang chữ Hán và đọc theo âm Nhật thì sẽ là Okuma Shigenobu. Trong tư liệu của phía Nhật Bản về Okuma, nếu tìm một đoàn thể có tên tương tự tổ chức này phải chú ý đến “Hội Đồng nhân”. Hội này được thành lập năm 1904, có mục đích chấn hưng y dược ở Châu Á, đặc biệt là ở Trung Quốc và Triều Tiên. Năm 1907, Okuma giữ chức Hội trưởng hội này.

Việc đưa thanh niên Việt Nam sang du học để mở mang dân trí, bồi dưỡng nhân tài là khả thi vì chính Kawashiwabara Buntaro (Phó Viện trưởng Thư viện Đồng Văn) đã nói: Một trong những lý do họ tiếp nhận “người trí thức An nam” là vì những người này “vốn thông thuộc Hán văn” (hầu hết là con em của tầng lớp trí thức Nho học, đặc biệt là những người xuất thân từ Bắc kỳ và Trung kỳ). Nhật Bản cũng là địa bàn thuận lợi vì khi ấy chính phủ Nhật, do không biết hoặc không quan tâm, nên không can thiệp vào các hoạt động của Duy Tân hội. Ngoài những điều kiện trên, Phan Bội Châu cũng thấy cơ sở và môi trường giáo dục ở Nhật Bản trong việc tiếp nhận thanh niên Việt Nam sang học đã khá đầy đủ (*trường học, ký túc xá mọc*

lên nhiều do số lượng thanh niên Trung Quốc sang Nhật Bản du học đã khá đông). Hơn nữa những người Việt nhập cảnh trái phép cũng có thể trà trộn vào lưu học sinh Trung Quốc để né tránh sự chú ý của chính quyền.

Như vậy, nhờ có sự hỗ trợ của các chính khách Nhật Bản, Phan Bội Châu và Duy Tân hội đã nêu ra những nội dung cụ thể:

Thứ nhất, kêu gọi thanh niên Việt Nam sang Nhật học tập. Để làm được điều này, Phan Bội Châu đã viết “*Khuyến quốc dân tư trợ du học văn*” vào cuối năm 1905. Trong đó, ông phân tích sự thành công của Nhật Bản trong sự nghiệp Duy Tân. Theo ông, Nhật Bản đã thấy được sự cần thiết trong việc cử người ra nước ngoài học tập nhằm mở mang dân trí, bồi dưỡng nhân tài còn Việt Nam chưa thực hiện được do “hai căn bệnh: là ngu muội và nhu nhược”; và để làm như Nhật Bản, Việt Nam phải đi theo “kế sách xuất dương du học”. Cũng theo Phan Bội Châu, “sự nghiệp Duy Tân” ở Việt Nam cũng chính là sự nghiệp tiến hành đấu tranh vũ trang, đánh đổ ách thống trị của thực dân Pháp, khôi phục độc lập, cho nên việc sang Nhật du học của thanh niên Việt Nam được đặt lên hàng đầu không phải là tiếp nhận giáo dục phổ thông nói chung, mà là tiếp nhận *giáo dục quân sự*.

Khi bản “*Khuyến quốc dân tư trợ du học văn*” đưa về nước, nhiều thanh niên Bắc Kỳ, Trung Kỳ đã hưởng ứng. Phan

Bội Châu cũng đã mở rộng hoạt động tuyên truyền ở Nam Kỳ. Kết quả là khoảng từ năm 1907, số thanh niên Nam Kỳ sang Nhật cũng tăng nhanh. Hầu hết họ là con em tầng lớp địa chủ giàu có. Số thanh niên lưu trú ở Nhật thời kỳ đông nhất lên tới 100 - 200 người (trong khoảng năm 1907 - 1908). Phan Bội Châu đã phải nhờ tới sự giúp đỡ của Inukai Tsuyoshi và các chính khách Nhật Bản để giải quyết các vấn đề cụ thể như chỗ ở, nơi học tập, kinh phí, hoàn thiện tổ chức lưu học sinh tại Nhật.

Cũng chính nhờ sự can thiệp của Inukai Tsuyoshi, trường Chấn Võ (Shimbu Gakko), nơi Fukushima Yasumasa làm Hiệu trưởng, đã đồng ý nhận 4 người, trong đó có Cường Để vào học. Chương trình học của trường có hai phần: tiếng Nhật và các môn quân sự. Sau khi kết thúc khóa dự bị, học sinh sẽ vào học tại trường Sĩ quan lục quân, do Bộ Tổng tham mưu Nhật Bản quản lý, điều hành. Vì việc du học của thanh niên không phải là để tiếp nhận giáo dục phổ thông nói chung, mà là nhằm vào việc học tập quân sự để trở thành cán bộ cách mạng trong tương lai. Cho nên, Duy Tân hội có đề nghị trường Chấn Võ nhận thêm học sinh Việt Nam nhưng trường đã không chấp nhận. Fukushima khuyên: *“Chỉ nên đưa vào Đông Á đồng văn hội, hội ấy tính giúp cho thì hay lắm. Vì Đông Á đồng văn hội là do Dân đảng tổ chức nên. Dân đảng viện trợ cho Dân đảng chính phủ không cần hỏi tới nơi.*

Thực tế là, Thư viện Đồng văn Tokyo đã tạo điều kiện cho lưu học sinh Việt Nam chỗ ở, miễn học phí, mở các lớp đặc biệt dạy tiếng Nhật trong Thư viện đồng văn cho thanh niên Việt Nam. Theo Kashiwabara, số học viên người Việt Nam tại trường vào thời điểm tháng 5 năm 1908 là trên 60 người; từ năm 1907 đến năm 1908, số học viên Việt Nam ở Tokyo lên tới 100 người, phần lớn họ vào học tại Thư viện đồng văn Tokyo. Nhờ có những sự giúp đỡ như vậy nên Duy Tân hội đã giảm bớt gánh nặng về chi phí, chỗ ở, học viên được ở cùng một chỗ, sự quản lý hơn học viên dễ hơn.

Ngoài ra, từ Nam Kỳ cũng có mấy thiếu niên trên dưới 10 tuổi sang Nhật. Với sự giúp đỡ của Kashiwabara Buntaro, họ được vào học tại Trường tiểu học Rekisen ở quận Koishikawa. Lúc đầu trường có 9 người nhưng từ năm 1909 giảm xuống chỉ còn 3 người là Trần Văn An, Trần Văn Thứ, Hoàng Vị Hùng. Trần Văn An về sau tốt nghiệp Trường Waseda, trở thành cán bộ của Việt Nam Phục quốc đồng minh hội, một tổ chức thân Nhật do Cường Để thành lập trong thời kỳ Chiến tranh thế giới lần thứ hai.

Ngoài việc giới thiệu và giúp đỡ nơi ăn ở, học tập cho lưu học sinh thì Inukai Tsuyoshi và Kashiwabara Buntaro đã có sự trợ giúp về mặt tài chính cho Duy Tân hội như cung cấp lộ phí đi lại, học phí...

Thứ hai, song song với việc kêu gọi thanh niên xuất dương, du học, được sự

giúp đỡ của người Nhật, Phan Bội Châu cũng đã soạn thảo tài liệu tuyên truyền và chuyển những tài liệu ấy về nước, khích lệ tinh thần, ý thức cách mạng của đồng bào. Nhật Bản thời điểm ấy là một địa bàn khá an toàn để Duy Tân hội in các tài liệu, nhất là tài liệu Hán văn. Các nhà in Nhật Bản đã quen xử lý Hán văn. Ấn phẩm đầu tiên của Phan Bội Châu được in là “Việt Nam vong quốc sử”. Sau đó Phan Bội Châu đã viết và đưa in rất nhiều tác phẩm tại Nhật Bản. Những tài liệu in ấn này, ngoài việc được Phan Bội Châu và các đồng chí mang theo khi bí mật về nước, còn được đưa vào trong nước bằng những con đường khác nhau như bằng bưu điện, đường biển (nhờ thương nhân Hoa kiều từ Hương Cảng chuyên vào)... Tuy nhiên, việc phổ biến những tài liệu đó cũng còn hạn chế, vì đây là tài liệu bất hợp pháp và số lượng bản in có hạn. Mỗi ấn phẩm chỉ in được từ vài trăm đến một nghìn bản. Ví dụ tác phẩm “Hải ngoại huyết thư”, theo ông nói đã in 3000 bản vào năm 1908 (trong khi theo báo cáo của Sở Cảnh sát Tokyo thì thực tế là đầu năm 1909 đã in 550 bản). Những tác phẩm này có tác dụng trong việc vạch trần bộ mặt thống trị của thực dân Pháp - những kẻ luôn rêu rao sẽ khai hóa văn minh cho Việt Nam; nói lên nỗi thống khổ của nhân dân Việt Nam dưới ách thống trị của thực dân Pháp; kêu gọi, thôi thúc mọi người vùng lên chống Pháp; kêu gọi đoàn kết, khơi dậy lòng yêu nước, căm thù giặc của các tầng lớp nhân dân; chỉ ra sự suy sút “dân

trí”, “dân khí” của người Việt Nam; thúc giục người Việt Nam tỉnh ngộ; kêu gọi tham gia phong trào Đông Du và quyên góp ngân quỹ.

Thứ ba, xây dựng, hoàn thiện tổ chức ở Việt Nam và Nhật Bản. Khi Duy Tân hội đã được củng cố, Phan Bội Châu đã đặt tên hội chính thức là *Việt Nam Duy Tân hội*, văn bản hóa và in ấn cương lĩnh của Hội. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là “tổ chức đảng” của Phan Bội Châu và các đồng chí của ông đã phát triển thành một chính đảng có tính toàn quốc. Bởi vì, tuy căn cứ của “Duy Tân hội” được đặt ở Nhật Bản (lúc đầu là Yokohama, về sau là Tokyo), nhưng hội vẫn chưa có cương lĩnh hoạt động thống nhất, chưa có nguyên tắc tổ chức một cách hệ thống, chưa có quy định gia nhập Hội, nghĩa vụ hội viên, chưa có danh bạ hội viên và cũng không thấy có mối quan hệ giữa tổng bộ và các tổ chức địa phương. Như vậy, “Duy Tân hội” tuy có ý định thoát xác từ “hội” (một nhóm cá nhân) để trở thành một “tổ chức đảng” nhưng ý định đó đã không thành. Từ thực tế như vậy, Phan Bội Châu và các đồng chí trong Duy Tân hội đã quyết định thành lập một tổ chức khác.

Trung tuần tháng 5 năm 1907, Việt Nam Công Hiến hội ra đời tại Tokyo vừa để đáp ứng với tình hình thực tế, vừa là một bước chuẩn bị, hoàn thiện về mặt tổ chức.

Hội cũng bầu Cường Để làm Hội trưởng, Phan Bội Châu là tổng lý kiêm

Giám đốc. Hội có 4 ban: Ban kinh tế, Ban kỷ luật (có nhiệm vụ theo dõi học sinh, đề nghị thưởng phạt), Ban giao tế (giữ việc giao liên lạc với nước ngoài và đưa đón người trong nước ra) và Ban văn thư. Ủy viên của các ban chia đều 3 kỳ (mỗi kỳ một người). Ngoài ra, Hội còn lập ra Cục kê tra có nhiệm vụ giám sát các ủy viên và quyết định trích quỹ mang theo “trên vạn đồng” để cấp cho hội viên mỗi tháng (18 đồng/ học sinh, 36 đồng/ hội trưởng, 24 đồng/ tổng lý). Mỗi tuần vào ngày chủ nhật, Hội mượn hội trường Thư viện Đồng văn Tokyo để họp mặt toàn thể hội viên. “Trước hết Hội trưởng, Tổng lý huân thị, tiếp đó từng hội viên tự do diễn thuyết, nhằm “giao lưu tình cảm, củng cố đoàn thể”. Công Hiến hội không chỉ là một tổ chức giám sát, duy trì kỷ luật của lưu học sinh, mà còn có chức năng giáo dục ý thức chính trị, ý thức dân tộc và phát huy tinh thần cách mạng của học sinh.

Như vậy, so với trong nước thì hoạt động tổ chức tại Nhật chặt chẽ hơn, có thể là vì ở Nhật Bản hoạt động tương đối tự do, các thành viên ở Nhật Bản sống gần như tập trung tại một nơi (Yokohama, sau đó là Tokyo), thanh niên lưu trú tại Nhật Bản là một tập thể tương đối đồng nhất và hầu như cùng lứa tuổi (tuy có khác nhau về tính khí và mức độ quan tâm chính trị), có cùng mục đích trước mắt là du học và môi trường đời sống nhà trường.

Như vậy, nhờ có sự giúp đỡ của Thư viện đồng văn mà Duy Tân hội có thể

lập thêm Công Hiến hội, hoàn thiện một bước về mặt tổ chức. Đối chiếu với những điều ghi trong nhật ký của Phan Bội Châu và Cường Để thì Công Hiến hội được thành lập nhằm mục đích tập hợp lực lượng, xây dựng tổ chức (*theo gợi ý của Okuma và Inukai*); quản lý, giáo dục ý thức chính trị cho lưu học sinh đồng thời Công Hiến hội cũng mong muốn lập nên một chính phủ lâm thời ở hải ngoại. Nhưng có lẽ những hoạt động của Công Hiến hội vẫn chưa tương ứng với mong muốn đó.

Như đã nêu ở trên, mục đích xuất dương của Duy Tân hội vào đầu năm 1905 là để xin viện trợ của Nhật Bản. Ngay từ những ngày đầu mới tới Nhật, sau khi tiếp xúc với Lương Khải Siêu và những người Nhật Bản có thể lực, Phan Bội Châu đã hiểu được rằng xin viện trợ quân sự của Chính phủ Nhật là khó, xin được vũ khí lại càng khó hơn. Mặc dù mục đích ban đầu không đạt được, nhưng các thành viên của Duy Tân hội vẫn không rời Nhật Bản mà còn quyết tâm khởi sự phong trào “Đông Du”. Bởi tuy không được Chính phủ Nhật Bản viện trợ nhưng Duy Tân hội lại nhận được sự chi viện của những người Nhật có thể lực, mà trung tâm là Dân đảng và các chính khách người Trung Quốc. Nhờ sự giúp đỡ đó mà Duy Tân hội đã thực hiện được kế hoạch “đào tạo nhân tài” (tổ chức phong trào “Đông Du”), tuyên truyền tư tưởng dân chủ và kêu gọi lòng yêu nước (in ấn tài liệu, sách báo chuyển về nước) và hoàn

thiện tổ chức (thành lập Công Hiến hội và củng cố cơ sở của Duy Tân hội trong nước). Đây là những việc làm có ý nghĩa đối với phong trào dân tộc Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX đang lâm vào tình trạng khủng hoảng về đường lối và lực lượng cách mạng.

Vì thế, qua tất cả những điều tai nghe mắt thấy, những thể nghiệm trong thời gian ở Nhật Bản, Phan Bội Châu vẫn cho rằng cần phải tôn trọng đối với Nhật Bản vốn là một “cường quốc”, là “nước văn minh”, và còn là nước có thể trông cậy được trong tâm nhận thức về “đồng văn, đồng chủng, đồng châu”.

Thế nhưng, sau một thời gian ở Nhật Bản, những người lãnh đạo Duy Tân hội dần dần mất lòng tin và thực sự thất vọng đối với Nhật Bản.

Đầu năm 1908, nhân viên liên lạc quan trọng của Duy Tân hội từ Nhật Bản về tới Sài Gòn thì bị bắt. Chính quyền Pháp nắm được tình hình thực tế của phong trào Đông Du và bắt đầu đàn áp phụ huynh ở trong nước. Pháp cũng yêu cầu Nhật giám sát người Việt Nam ở Nhật Bản (do có Hiệp ước Nhật - Pháp được ký vào tháng 6 năm 1907). Như vậy, tình thế đã thay đổi, Pháp yêu cầu điều gì, chính phủ Nhật cũng đáp ứng ngay; Nhật theo lệnh của Bộ Nội vụ đến Đồng văn thư viện cảnh cáo gay gắt học sinh ở đó, đồng thời còn tra hỏi họ tên và quê quán của họ. Mười ngày sau, các học sinh đều nhận được thư của bố mẹ ở trong nước kể về “tình hình bị giam cầm khổ sở” nên rất hoang mang. Tháng 9

năm 1908, khi các học sinh Trường Chấn Võ đang làm lễ tốt nghiệp thì chính phủ Nhật Bản ra “lệnh giải tán lưu học sinh”.

Phan Bội Châu rất lo lắng vội nhờ các ông Inukai Tsuyoshi, Fukushima Yasumasa cứu vãn tình thế. Nhưng họ không thể làm gì được ngoài việc ông Inukai Tsuyoshi cấp cho Hội 2.000 yên, trao đổi với công ty Bưu thuyền Nhật Bản (Nihon Yusen) để họ cấp cho du học sinh 100 vé tàu thủy từ Yokohama (Hoành Tân) đến Hương Cảng. Đến tháng 10 năm 1908, việc giải tán học sinh coi như đã xong, Hội Công Hiến cũng không còn. Phan Bội Châu tập trung các học sinh ở *Đồng văn thư viện*, khuyên họ ở lại Nhật Bản “vừa làm thuê vừa cầu học”, nhưng hầu hết học sinh Nam Kỳ đều xin về nước. Đến lúc này, Phan Bội Châu “mới hiểu là công việc của mình không thể tiếp tục trông cậy vào Nhật Bản được nên đã chuyển hướng về đảng Cách mạng Trung Hoa và các dân tộc trên thế giới đồng bệnh với ta”.

3. Kết luận

Khắc phục nhược điểm của phong trào chống Pháp thế hệ trước, Duy Tân hội đã đặt ra vấn đề phải sử dụng cách mạng bạo lực để hình thành nhà nước độc lập. Trong bối cảnh Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX, làm được điều đó thật không đơn giản. Theo Tiểu La Nguyễn Hàm thì chỉ còn cách “*tìm kiếm sự viện trợ từ bên ngoài*”, tìm sự ủng hộ của quốc tế. Quả thật, trong suốt quá

trình hoạt động, các nhà lãnh đạo của Duy Tân hội mà đại diện là Phan Bội Châu đã không bỏ qua bất cứ một cơ hội liên kết nào, một mối quan hệ nào có lợi cho cách mạng Việt Nam. Mặc dù mục tiêu ban đầu của việc tìm ngoại viện (vũ khí và binh lực) không thực hiện được nhưng Duy Tân hội đã tận dụng được thời cơ, mở rộng mối quan hệ và tranh thủ được sự giúp đỡ của các tổ chức (*Đông Văn Thư Viện, Đông Á Đông Văn hội ...*) và các chính khách nước ngoài (*Lương Khải Siêu, Okuma Shigenobu, Inukai Tsuyoshi...*) để tiến hành nhiều hoạt động quan trọng như mở rộng tuyên truyền tư tưởng dân chủ vào Việt Nam, kêu gọi lòng yêu nước, căm thù giặc, tận dụng các cơ sở huấn luyện, đào tạo của Nhật để huấn luyện, đào tạo cán bộ cách mạng, củng cố về mặt tổ chức, đưa phong trào yêu nước Việt Nam hòa nhập cùng cao trào Châu Á thức tỉnh. Phan Bội Châu và những hoạt động của Duy Tân hội đã có đóng góp nhất định cho công cuộc đấu tranh giành độc lập.

Cùng với những đóng góp và thành quả trên đây, cũng dễ nhận thấy rằng Duy Tân hội chưa vượt qua khỏi những hạn chế sau đây.

Một là, những người lãnh đạo Duy Tân hội đều là những trí thức có tư tưởng canh tân, nóng lòng muốn đẩy nhanh bánh xe lịch sử Việt Nam cho kịp với “thời buổi gió Âu mưa Á”, mong muốn nhanh chóng tìm cho được một lối thoát cho phong trào dân tộc Việt Nam; nhưng họ chưa phải là đại biểu thực sự

của giai cấp tư sản Việt Nam, cũng chưa phải là tầng lớp trí thức tân học đúng nghĩa. Họ vẫn là các nhà Nho - sản phẩm của tư tưởng Khổng – Mạnh, vì nhiệt tình cứu nước và không muốn đi theo vết xe thất bại của phong trào Cần Vương. Tuy họ đã tìm đến sách vở của Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu, đã tìm đường sang Nhật, đã biết đến tư tưởng của J.J.Rousseaux, Montesquieux..., nhưng họ chỉ tiếp thu những tư tưởng này ở những góc độ nhất định, thông qua nhiều lăng kính và chắc chắn không tránh khỏi khúc xạ. Thế giới quan của họ chưa thực sự khác biệt so với các sĩ phu lớp trước. Vì vậy, tư tưởng dân chủ xuất hiện ở Việt Nam mới dừng lại như một tôn chỉ chính trị, một khát vọng để phấn đấu đạt tới, chứ chưa phải là ý thức ăn sâu trong xã hội, trong mọi tầng lớp đồng bào.

Hai là, trong việc tập hợp lực lượng và tạo mối liên kết, Duy Tân hội bộc lộ một số nhược điểm: lực lượng nông dân chiếm hơn 90% dân số Việt Nam vẫn chưa được kể vào một trong 10 hạng người “đồng tâm” của thời *Duy Tân hội* (1904 - 1911); Duy Tân hội chưa nhận thức đầy đủ về vai trò của nông dân (*nhất là ở các nước thuộc địa*) trong sự nghiệp giải phóng dân tộc. Do đó, phong trào cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX thiếu hẳn một cơ sở rất quan trọng làm chỗ dựa. Mặt khác, trong quá trình hoạt động ở Nhật Bản, Duy Tân hội chưa tìm được một “đồng minh” thực sự đáng tin cậy.

Tuy vậy, những hoạt động Duy Tân hội dưới sự lãnh đạo của Phan Bội Châu đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm sau:

Một là, mặc dù là một nhà Nho nhưng Phan Bội Châu không bảo thủ. Khi những dự định ban đầu không thể thực hiện được, Phan Bội Châu đã tiếp thu ngay những gợi ý của các chính khách Trung Quốc và Nhật Bản để triển khai các hoạt động vì mục tiêu giải phóng dân tộc. Điều này chứng tỏ rằng, Phan Bội Châu kiên định với mục tiêu đã đặt ra và tìm nhiều biện pháp khác nhau nhằm thực hiện cho được mục tiêu đã đề ra.

Hai là, Phan Bội Châu đã có những ứng xử khôn khéo, hợp lý để khai thác triệt để sự giúp đỡ của các chính khách Nhật Bản. Vì vậy, các chính khách Nhật Bản cùng các tổ chức do họ lãnh đạo đã hết lòng giúp đỡ các hoạt động của Duy Tân hội (khi còn hoạt động được trên đất Nhật). Khi thời cơ không thuận lợi, những người bạn Nhật vẫn cố gắng hết sức hỗ trợ cho Hội đưa con em về nước, vào các cơ sở an toàn hơn với lời hứa sẽ tiếp tục hỗ trợ khi có thời cơ.

Ba là, tư tưởng và kinh nghiệm thời kỳ này cũng là những gợi ý, những tiền đề hết sức quan trọng cho các hoạt động của phong trào Đông kinh Nghĩa thực sau này.

Bốn là, Phan Bội Châu đã để lại bài học về thực hiện đường lối bạo động, sử dụng vũ lực để lật đổ chính quyền thực dân. Phương châm này đã được thế hệ các nhà cách mạng vô sản giai đoạn sau

này, đặc biệt là Đảng Cộng sản, tiếp tục khẳng định. Điều này đã được chứng minh với thành công của cách mạng Tháng Tám và hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

Năm là, tận dụng địa bàn hoạt động ở hải ngoại để triển khai các hoạt động đấu tranh giải phóng dân tộc khi điều kiện trong nước không thuận lợi.

Sáu là, Phan Bội Châu đã chủ trương đào tạo nguồn nhân lực gắn với mục tiêu, hoàn cảnh của đất nước lúc bấy giờ. Đó cũng là bài học để chúng ta suy ngẫm cho việc đào tạo nguồn nhân lực phù hợp với thực tiễn hôm nay.

Tài liệu tham khảo

1. Chương Thâu (1962) “Ảnh hưởng của cách mạng Trung Quốc đối với sự chuyển biến tư tưởng của Phan Bội Châu”, Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, Hà Nội, số 43.
2. Lê Văn Quang (1993) *Quan hệ quốc tế ở Đông Á trong lịch sử*, Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Phan Bội Châu (1950), *Ngục trung thư*, bản tiếng Việt, Đào Trinh Nhất dịch, Nxb Tân Việt, Sài Gòn.
4. Phan Bội Châu (1971), *Phan Bội Châu Niên biểu* (bản tiếng Việt), nhóm nghiên cứu Sử - Địa dịch và xuất bản, Sài Gòn.
5. Shiraishi Masaya (2000), *Phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam và quan hệ của nó với Nhật Bản và Châu Á*, tập I, II, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Trần Văn Giàu (1961), *Lịch sử cận đại Việt Nam*, tập III, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

